

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Điêu Thị Tú Uyên - Trường Đại học Tây Bắc

Ngày nhận bài: 25/03/2019; ngày sửa chữa: 06/04/2019; ngày duyệt đăng: 18/04/2019.

Abstract: Training pedagogical skills for preschool education students is an especially important activity in the training of preschool teachers. The article presents a number of proposals to renovate the training of pedagogical skills for Preschool education students in Tay Bac University to improve the quality and effectiveness of training the preschool teachers in the University, which equips students with strong professional knowledge and skills so that they can do a good job after graduation.

Keywords: Innovation, training pedagogical skill, student, Preschool education.

1. Mở đầu

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP) là một trong những hoạt động quan trọng và mang tính chất đặc thù trong đào tạo (ĐT) giáo viên nói chung, ĐT giáo viên mầm non (GVMN) nói riêng. Chất lượng công tác RLNVSP ở cơ sở ĐT GVMN sẽ quyết định chất lượng giáo viên và năng lực nghề nghiệp của họ khi tốt nghiệp. Trước yêu cầu phải ĐT nguồn nhân lực đủ năng lực, đáp ứng được nhu cầu của xã hội, các cơ sở ĐT GVMN đặc biệt quan tâm đến công tác đổi mới để nâng cao chất lượng RLNVSP cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục mầm non (GDMN).

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đề ra mục tiêu phát triển GDMN trong giai đoạn 2018-2025 là trước mắt, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, trong đó nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là phát triển, chuẩn hoá đội ngũ GVMN [1]. Phát triển, chuẩn hoá đội ngũ GVMN không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo về số lượng, chuẩn về trình độ, kiến thức, chức danh nghề nghiệp mà còn phải đạt được mục tiêu ĐT một đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, có phương pháp dạy học hiện đại, có kỹ năng nghề nghiệp tốt, có năng lực tự chịu trách nhiệm để đáp ứng được cả 3 nhiệm vụ: nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Để đạt được mục tiêu này, các cơ sở GDMN cần đổi mới công tác RLNVSP cho SV.

Bài viết trình bày một số đề xuất đổi mới công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV ngành GDMN Trường Đại học (ĐH) Tây Bắc nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo GVMN của Trường, trang bị cho SV kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng để các em có thể đảm nhận tốt công việc sau khi ra trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đổi mới quan điểm chỉ đạo công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Đại học Tây Bắc

Chất lượng công tác RLNVSP cho SV ở các cơ sở ĐT GVMN nói chung, Trường ĐH Tây Bắc nói riêng phụ thuộc vào nhiều yếu tố: tính ưu việt của chương trình ĐT; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa người điều hành chương trình ĐT và giảng viên (GV), giữa GV và SV, giữa SV và SV, giữa cơ sở ĐT (Trường ĐH Tây Bắc) và cơ sở giáo dục (trường mầm non (MN)) để thực hiện quy định về công tác RLNVSP; tính tự giác, chủ động, năng động, khả năng linh hoạt, sáng tạo của SV trong rèn nghề... Nhưng yếu tố mang tính chất quyết định phải là sự đổi mới công tác RLNVSP.

Hiện nay, tại Trường ĐH Tây Bắc, công tác chỉ đạo thực hiện công tác RLNVSP thuộc Phòng ĐT và Khoa Giáo dục Tiểu học - MN. Phòng ĐT quản lý chung về chương trình ĐT và chỉ đạo công tác thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm; còn Khoa trực tiếp quản lý, điều hành việc thực hiện chương trình ĐT, trong đó có các học phần thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm và các hoạt động RLNVSP khác của SV chuyên ngành. Việc chỉ đạo công tác RLNVSP thường được tổ chức theo hệ thống các quy định nằm trong khung chương trình, trong nội dung chi tiết của các học phần [2]. Tuy nhiên, trên thực tế, việc chỉ đạo của các đơn vị này thường bộc lộ một số bất cập:

- Do theo khung chương trình cố định nên các học phần thực hành này thường được thực hiện một cách cứng nhắc, không có tính mở, không có khoảng trống cho sự linh hoạt, mềm dẻo về phương pháp, hình thức... trong khi việc rèn nghề gắn với thực tiễn, rất cần sự linh hoạt, mềm dẻo.

- Cũng do theo khung chương trình cố định nên các học phần thực hành này thường được thực hiện lặp đi lặp lại theo kì “đến hẹn lại lên” trong khi thực tiễn ở trường MN vẫn có những thay đổi, biến động.

- Khung chương trình cũng quy định việc kiểm tra, đánh giá đối với các học phần thực hành, nhưng còn mang tính hình thức. Nguyên nhân là do chủ thể kiểm tra, đánh giá chủ yếu là giáo viên ở trường MN, nơi giáo sinh đến thực hành. Chủ thể này thường bị tác động bởi yếu tố chủ quan (sự quan tâm, ưu ái; sự cảm nhận mang tính chất định tính) trong quá trình đánh giá. Mặt khác, thời gian theo dõi để đánh giá năng lực nghiệp vụ của giáo sinh thực hành ở trường MN cũng rất ngắn, thường chỉ diễn trong khoảng 1-3 tháng/1 đợt. Thực tế này dẫn đến việc kết quả rèn nghề của SV tại trường MN có thể không phản ánh trọn vẹn thực chất năng lực của họ.

Những bất cập này gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng RLNVSP của SV ngành GDMN Trường ĐH Tây Bắc. Đây cũng là một vấn đề bức thiết yêu cầu phải thay đổi quan điểm trong chỉ đạo thực hiện công tác RLNVSP. Cụ thể:

Thứ nhất, cần thay đổi quan điểm trong soạn thảo chương trình ĐT. Ngoài việc đảm bảo các yêu cầu chung do Bộ GD-ĐT quy định, Khoa nên tăng cường tính tự chủ trong soạn thảo, bố trí, sắp xếp chương trình ĐT, nhất là đối với các học phần rèn nghề của SV để tạo tính “mở”, cho phép người thực hiện chương trình linh hoạt, lựa chọn thời gian, nội dung thực hành phù hợp với thực tiễn.

Thứ hai, cần thay đổi quan điểm chỉ đạo công tác kiểm tra, đánh giá. Ngoài việc sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá của trường MN đối với SV trong quá trình đào tạo, Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non cũng nên kết hợp xây dựng thêm kênh đánh giá của mình. Cụ thể: xây dựng thêm phần thời gian thực hành tại cơ sở ĐT (thực hành nghiệp vụ sư phạm tại Trường, thực tập tại Trường) với mục đích vừa hướng dẫn chuyên sâu cho SV trước khi ra trường MN vừa đánh giá về ý thức, về hoạt động rèn nghề của SV. Kênh đánh giá này thường đảm bảo tính xác thực hơn do có quá trình ĐT lâu dài đối với SV. Đồng thời, nhà quản lý cũng cần thay đổi cách đánh giá kết quả của việc rèn nghề thông qua các môn giáo học pháp và các hoạt động tại cơ sở ĐT. Cần đánh giá cả kết quả thực hiện về phương pháp hướng dẫn của GV chứ không chỉ đánh giá kết quả tiếp nhận phương pháp của SV; đồng thời, nên đánh giá bằng định lượng thay vì định tính (hướng dẫn có hiệu quả, hướng dẫn tốt...).

Thứ ba, nhà quản lý các cấp tại Trường cũng cần có tư duy mở, thừa nhận và tạo cơ hội cho những thay đổi,

Kết quả khảo sát ý kiến của GV đối với các hình thức thực hành đề xuất trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm qua các học phần giáo học pháp năm học 2017-2018

TT	Hình thức thực hành đề xuất (đối với hình thức thực hành qua các môn giáo học pháp)	Đồng ý	%	Không đồng ý	%
1	Cho SV tập soạn giáo án và tập giảng, giáo viên và nhóm lớp cùng phân tích	35/35	100	0	0

những đột phá của GV trong quá trình rèn nghề cho SV, kể cả việc điều chỉnh nội dung chương trình nhằm tăng cường năng lực, tay nghề cho SV, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu của đơn vị tuyển dụng.

2.2. Đổi mới hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Trường Đại học Tây Bắc

2.2.1. Tăng tính cập nhật, đổi mới của các môn giáo học pháp trong việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

“Giáo học pháp” là khái niệm dùng để chỉ các học phần nghiên cứu về phương pháp dạy học, như: *Lí luận và Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Lí luận và Phương pháp phát triển ngôn ngữ, Lí luận và Phương pháp kể chuyện, Lí luận và Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, Lí luận và Phương pháp hình thành biểu tượng toán, Lí luận và Phương pháp phát triển tích cực vận động cho trẻ, Lí luận và Phương pháp dạy học âm nhạc, Lí luận và Phương pháp phát triển thể chất, Lí luận và Phương pháp dạy học Mĩ thuật...* Trong chương trình GDMN [3], các học phần phương pháp chuyên ngành được đưa vào chương trình ĐT cho SV học từ năm thứ 3 đối với trình độ đại học, năm thứ 2 đối với trình độ cao đẳng. Đây là các học phần trọng tâm, chiếm thời lượng lớn, được phân bố đều trên các lĩnh vực phát triển theo cấu trúc của chương trình GDMN hiện hành (lĩnh vực phát triển nhận thức, phát triển tình cảm - kĩ năng xã hội, phát triển ngôn ngữ, phát triển thẩm mỹ, phát triển thể chất). Chính vị trí trong chương trình đã nói lên vai trò đặc biệt quan trọng của các học phần này trong việc cung cấp, định hướng, hình thành và rèn luyện phương pháp dạy học cho SV MN. Mặc dù quan trọng nhưng các học phần về phương pháp thường bộc lộ tính “bảo thủ” trong nội dung chương trình và trong phương pháp thực hiện. Nguyên nhân do phương pháp sau khi hình thành thường trở thành một “con đường”; “con đường” đi mãi thành quen, những người đi trên “con đường” đó thường ngại thay đổi để đi một con đường mới. Trong một khảo sát khi làm đề tài nghiên cứu khoa học: “Đổi mới hình thức thực hành trong các học phần phương pháp cho SV chuyên ngành GDMN theo hướng nâng cao năng lực sáng tạo của SV”, chúng tôi thấy, một bộ phận GV dạy các học phần giáo học pháp tại Trường Đại học Tây Bắc chưa sẵn sàng chấp nhận một số hình thức thực hành mới (ở các hình thức 2, 3, 4, 5, 7) (xem bảng).

2	Cho SV tập soạn giáo án và tập giảng, giáo viên và nhóm lớp cùng phân tích, cùng đánh giá điểm	12/35	34,2	23/35	65,8
3	Cho SV thực hành phân tích giáo án trước khi tập giảng	35/35	100	0	0
4	Quay lại giờ tập giảng của SV để nhóm, lớp cùng phân tích và đánh giá điểm	19/35	54,2	16/35	45,8
5	Tạo trang liên kết (email, facebook) của nhóm, lớp để SV cùng phân tích, đánh giá điểm giáo án và giờ dạy	18/35	51,4	17/35	48,6
6	Cho SV cập nhật chương trình và những nội dung đổi mới chương trình ở trường MN	32/35	91,4	03/35	8,6
7	Cho SV cập nhật chương trình và những nội dung đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ở trường MN	20/35	57,1	15/35	42,9

Như vậy, về mặt bản chất, cần thay đổi quan niệm của GV dạy các học phần giáo học pháp tại Trường ĐH Tây Bắc nói chung và GV Khoa Giáo dục Tiểu học - MN nói riêng, để họ nhận thức được sự cần thiết phải tăng cường tính chủ động, tính tương tác của SV trong rèn nghiệp vụ, tăng cường năng lực cập nhật những đổi mới về chương trình và phương pháp dạy học ở bậc MN. Đồng thời, nên định lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ này theo từng học kì, từng năm học (ví dụ: trong một học kì, một năm học, GV đã cập nhật được bao nhiêu thông tin, là những thông tin nào về văn bản quy phạm của các cấp có thẩm quyền; về đổi mới chương trình GDMN, về phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ...). Đây cũng là kết quả được sử dụng làm căn cứ để đánh giá về khả năng chuyên môn của GV.

Trước đây, khi dạy các môn phương pháp, người dạy thường chú ý đến mục tiêu định hướng (định hướng về mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp thực hiện). Nhưng trong tình hình thực tiễn hiện nay, khi phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục tại trường MN đã và đang đổi mới sâu sắc thì các môn phương pháp tại cơ sở ĐT GVMN càng cần thể hiện được tư duy đổi mới, tính năng động nhằm nâng cao hiệu quả RLNVSP cho SV; đặc biệt là cần thoát khỏi tư duy dạy lý thuyết hàn lâm, giáo điều, tăng cường hoạt động thực hành cho SV khi học các môn phương pháp. Thực hành ở đây chủ yếu là tập giảng. Tại Trường ĐH Tây Bắc, hoạt động tập giảng có thể tiến hành qua hai hình thức:

- *SV tập giảng tại Trường*. Đây là hình thức bắt buộc phải thực hiện thường xuyên trong suốt thời gian học các môn phương pháp cho đến khi đi thực tập sư phạm. Quá trình tập giảng của SV cần được tổ chức một cách bài bản, quy củ, có sự theo dõi, nhận xét cụ thể, đánh giá chặt chẽ từng SV nhằm giúp các em có ý thức tham gia tập giảng tốt nhất và có phương pháp giảng dạy hiệu quả nhất. Quá trình đánh giá bằng điểm số nên có sự tham gia của cả SV nhằm tạo một kênh đánh giá đảm bảo sự minh bạch, công bằng. Trong việc bố trí SV tập giảng, GV cũng cần chú ý phân loại đối tượng SV (SV giỏi, khá,

trung bình, yếu trong thực tập RLNVSP) để có biện pháp bồi dưỡng tay nghề cho các em một cách hợp lý. Những SV trung bình, yếu cần được ưu tiên tập giảng nhiều hơn, được hướng dẫn một cách tỉ mỉ hơn về các bước tổ chức giờ dạy, về cách xử lý tình huống sư phạm trên lớp. Đồng thời, GV cũng nên quan tâm đến đối tượng các SV tham gia đóng vai trò MN trong các giờ tập giảng. Nếu không được quan tâm hướng dẫn cách vào vai học sinh trong giờ học, các em sẽ tham gia một cách ngẫu hứng, dẫn đến tình trạng giờ học không đạt hiệu quả.

- *GV giảng mẫu*. Đây là hình thức không bắt buộc nhưng nên có trong quá trình dạy các môn phương pháp. Chính sự sinh động của việc dạy mẫu của GV sẽ giúp SV hình thành kỹ năng sư phạm một cách nhanh chóng, sinh động và hiệu quả nhất. Vì vậy, GV cần rèn luyện để không chỉ giỏi về lý thuyết mà còn giỏi về thực hành để làm mẫu ngay trên lớp, nhằm thêm một kênh tham khảo, học nghề sinh động cho SV.

2.2.2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

Thực tiễn dạy học, giáo dục tại trường MN diễn ra vô cùng sinh động, phong phú với nhiều tình huống đa dạng, phức tạp. Chính vì thế, bên cạnh việc cung cấp lý thuyết về phương pháp dạy học, GV cần tăng cường sử dụng và sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ rèn nghề cho SV, có thể bằng các cách sau:

- *Sử dụng băng hình*:

+ *Sử dụng loại băng hình các giờ dạy mẫu của GVMN*, gồm hai loại: băng hình quay giờ dạy mẫu do Vụ GDMN thiết kế và cung cấp, sử dụng trên toàn quốc; băng hình quay giờ dạy của GVMN tại địa phương qua các hoạt động chuyên môn như thi giáo viên dạy giỏi các cấp, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn... (loại băng hình này được lưu hành tại các công ty sách, thiết bị trường học và các nhà sách).

Sử dụng loại băng hình này, các giờ dạy mẫu của GVMN đã được chuẩn bị chu đáo, công phu về nội dung,

phương pháp, về các phương tiện trực quan phục vụ dạy học. Vì vậy, khi cho SV theo dõi các hoạt động dạy học được thể hiện trên băng mẫu, GV cần định hướng về mục đích, cách thức quan sát, phân tích nhằm đảm bảo SV tiếp nhận được các chuẩn mực trong giờ dạy một cách tối đa. Tuy nhiên, cũng cần chú ý không nên quá cứng nhắc trong việc yêu cầu học và làm theo mẫu. Vì việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục trên lớp còn phụ thuộc vào đối tượng trẻ, điều kiện vùng miền và một số yếu tố khách quan khác. Nếu áp dụng một cách cứng nhắc có thể làm giảm hiệu quả của hoạt động dạy học, giáo dục

+ *Sử dụng loại băng hình do GV tự thiết kế, quay lại một số giờ dạy của SV trong hoạt động tập giảng.*

Sử dụng loại băng hình này, SV thực hiện các giờ tập giảng cũng có sự chuẩn bị chu đáo về nội dung, phương pháp, đồ dùng dạy học trực quan, nhưng dù sao cách thể hiện còn nặng tính lí thuyết, chưa có độ nhuần nhuyễn của giáo viên đứng lớp thực sự. Khi sử dụng, GV cũng cần định hướng mục đích, cách quan sát, phân tích và tham khảo cho SV; đặc biệt, cần hướng dẫn SV phân tích các lỗi về nội dung, phương pháp và kĩ năng xử lí tình huống sư phạm mà SV tập giảng mắc phải nhằm tự rút kinh nghiệm cho bản thân.

Băng hình mẫu có vai trò quan trọng nhưng không thể thay thế giờ thực nghiệm. Nên GV cũng tránh lạm dụng việc cho SV quan sát băng hình hoặc sử dụng băng hình kém hiệu quả (mở cho SV tự quan sát mà không có định hướng, không phân tích).

- *Sử dụng hiệu quả mạng xã hội*

Giới trẻ hiện nay sử dụng mạng xã hội với tần suất rất lớn. Đây cũng là một cơ hội cần tận dụng để SV tăng cường sự kết nối, trao đổi thường xuyên, tạo hiệu ứng một cách nhanh chóng đối với các vấn đề có liên quan đến việc RLNVSP. Điều quan trọng là phải định hướng, hướng dẫn một cách nghiêm túc, khoa học cho SV khi họ sử dụng kênh thông tin này thành một “cộng đồng học tập”. Ví dụ: lập trang facebook riêng của từng nhóm chuyên ngành, khối lớp để trao đổi các quan điểm, phương pháp thực hành nghiệp vụ sư phạm của SV ngành GDMN; lập trang facebook riêng của Khoa để tạo một diễn đàn trao đổi giữa SV các khối lớp trong Khoa về quan điểm, phương pháp thực hành nghiệp vụ sư phạm chung.

2.2.3. *Tăng cường “kết nối” trong đánh giá kết quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên*

Trong xu thế kết nối thông tin và lưu trữ dữ liệu mạnh mẽ như hiện nay, việc kết nối trong đánh giá kết quả RLNVSP của SV là hết sức cần thiết đối với các cơ sở ĐT GVMN. Trước đây, phương thức truyền thống trong việc theo dõi kết quả nghiệp vụ sư phạm của SV là Khoa lập kết quả, chuyên Phòng ĐT, Phòng khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục lưu giữ. Khoa Giáo dục Tiểu học -

Mầm non không còn nắm bắt được một cách hệ thống kết quả rèn luyện nghiệp vụ của SV đã và đang được ĐT ở Khoa. Như vậy, khi muốn tìm lại kết quả học tập, RLNVSP của các em lại phải truy cập thông tin tại hai phòng này. Thực tế đó gây ảnh hưởng đến mục tiêu so sánh, đối chiếu, đánh giá năng lực nghiệp vụ của SV trong một quá trình, một năm học, một khoá học, nhiều khoá học, từ đó ảnh hưởng đến tầm nhìn hoạch định chiến lược phát triển giáo dục, ĐT của đơn vị. Vì vậy, lãnh đạo Khoa cần đổi mới tư duy, xây dựng một mạng lưới kết nối thông tin kết quả nghiệp vụ sư phạm của SV. Mạng lưới này phải đảm bảo tính hệ thống “dọc” và “ngang”. Dọc là hệ thống theo dõi qua các năm học, khoá học; ngang là hệ thống các thông tin đủ làm căn cứ để điều chỉnh khả năng thực hành nghiệp vụ của SV. Hệ thống này của Khoa phải được liên thông với hệ thống theo dõi thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm chung của toàn Trường (qua Phòng ĐT, Phòng khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục) để tạo cái nhìn toàn diện về chất lượng nghiệp vụ sư phạm của SV. Đồng thời, Phòng ĐT và Khoa cũng cần kết nối thêm với trường MN nơi SV đến thực hành nghiệp vụ để hoàn thiện mạng lưới này, phục vụ công tác điều chỉnh quy trình, hình thức, chất lượng của SV khi tham gia rèn nghề tại trường MN.

Bên cạnh việc kết nối mạng lưới kết nối kết quả rèn nghề, Khoa Tiểu học - Mầm non nên tạo lập mạng lưới liên hệ về chuyên môn giữa Khoa và các bộ phận phụ trách chuyên môn GDMN của địa phương (Phòng GDMN thuộc Sở Giáo dục) và các trường MN, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa lí luận và thực tiễn, tính đồng bộ trong quy trình rèn nghề cho SV. Khuyến khích các báo cáo chuyên đề của GV với nội dung hướng dẫn RLNVSP thường xuyên cho SV trước khi các em đi thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm.

Bên cạnh đó, mạng lưới chuyên môn này có thể kết nối rộng với mạng lưới giáo dục kĩ năng của các bộ phận, trung tâm, câu lạc bộ giáo dục kĩ năng trong và ngoài Trường nhằm đẩy mạnh công tác tư vấn, giáo dục kĩ năng nói chung, rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp nói riêng cho SV.

2.2.4. *Tăng cường tính chuyên nghiệp trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm qua các kì thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm tại trường mầm non*

Đây là công tác được tiến hành đều đặn theo chương trình, kế hoạch đã được định sẵn trong toàn khoá học, là hình thức tăng cường năng lực sư phạm cho SV MN một cách thực tế và đạt hiệu quả cao nhất. Tuy vậy, để tránh tình trạng việc rèn nghề tại cơ sở giáo dục bị “cực đoan hoá” (quá gây áp lực cho SV hoặc quá hình thức trong đánh giá nghiệp vụ của SV), trong quá trình chỉ đạo, hướng dẫn SV thực hành nghiệp vụ sư phạm tại trường MN cần chú ý:

- Bộ phận phụ trách nghiệp vụ sư phạm của Khoa và các GV phụ trách các bộ môn phương pháp cần phối hợp chặt chẽ để xây dựng kế hoạch hướng dẫn SV rèn nghề tại trường MN một cách khoa học, hiệu quả. Đây cũng chính là thời điểm Khoa Giáo dục tiểu học - MN thực hiện và phát huy hiệu quả sự kết nối trong mạng lưới chuyên môn giữa Trường, Khoa và cơ sở giáo dục như đã nói đến ở trên.

- Khoa cần cử GV phụ trách thực hành nghiệp vụ sư phạm cùng tham gia vào quá trình rèn nghề tại trường MN để vừa hướng dẫn SV vừa cập nhật những đổi mới về chương trình, phương pháp dạy học ở bậc MN (qua dự giờ thăm lớp, qua quan sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của giáo viên tại trường MN, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn với các nhà quản lý và giáo viên...). Nhà trường cần thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo đánh giá về việc tổ chức RLNVSP cho SV ngoài trường MN giữa Ban chủ nhiệm Khoa, các GV trực tiếp phụ trách công tác RLNVSP và các trường MN thực hành. Các buổi hội thảo này là cơ hội để trao đổi cởi mở những yêu cầu của các cơ sở MN cũng như chất lượng thực tế của SV thực hành, nhằm giúp các nhà quản lý và GV của Khoa nắm bắt kỹ hơn và điều chỉnh công tác RLNVSP phù hợp, hiệu quả hơn.

3. Kết luận

Thành công của việc ĐT và bồi dưỡng GVMN hiện nay phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng và kết quả cuối cùng của công tác RLNVSP. Năng lực sư phạm của mỗi SV có được là do kết quả RLNVSP mà nên. Bởi vậy, đổi mới quan điểm chỉ đạo, đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động RLNVSP là một trong những yêu cầu quan trọng, có ý nghĩa quan trọng trong mục tiêu ĐT nghề nghiệp cho SV, đáp ứng được yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ sở GDMN. Thực hiện đồng bộ các đề xuất trên sẽ góp phần tích cực trong việc nâng cao hiệu quả RLNVSP cho SV ngành Giáo dục mầm non nhằm đạt được mục tiêu ĐT đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, kỹ năng nghề nghiệp tốt, có phương pháp dạy học hiện đại, đáp ứng được công việc của GVMN trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2] Trường Đại học Tây Bắc. *Chương trình Đào tạo đại học, ngành Giáo dục mầm non - hệ đào tạo chính quy* (Ban hành tại Quyết định số: 907/QĐ-ĐTĐH, ngày 04/9/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc).
- [3] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình Giáo dục mầm non* (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục mầm non).
- [4] Bộ GD-ĐT (2006). *Dạy và học tích cực* (tài liệu tập huấn, Dự án Việt - Bỉ).
- [5] Hoàng Thị Hạnh (2016). *Kỹ năng cơ bản của sinh viên trong thực tập sư phạm*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Nguyễn Thanh Bình (2006). *Giáo dục Việt Nam trong thời kì đổi mới*. NXB Giáo dục.
- [7] Nguyễn Hà Thanh (tuyển chọn, 2009). *Cẩm nang công tác giáo dục mầm non*. NXB Lao động.
- [8] Vũ Hoa Tươi (tuyển chọn, 2013). *Đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả và những giải pháp ứng xử trong ngành giáo dục hiện nay*. NXB Tài chính.
- [9] Nguyễn Công Khanh (chủ biên) - Đào Thị Oanh (2016). *Giáo trình kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [10] Nguyễn Mậu Đức - Nguyễn Thị Chiên - Trần Trung Ninh (2013). *Áp dụng phương pháp dạy học vì mô hình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên qua quá trình tập giảng*. Tạp chí Giáo dục, số 323, tr 26-28.
- [11] Trần Thị Hoàng Yến (2015). *Nâng cao chất lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Đại học Vinh*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, tr 81-83.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN...

(Tiếp theo trang 44)

Tài liệu tham khảo

- [1] Glasser W. (1997). *A new look at school failure and school success*. Phi Delta Kappan.
- [2] Nguyễn Thị Thúy Hạnh (2011). *Thực trạng kỹ năng học tập hợp tác của sinh viên cao đẳng sư phạm*. Tạp chí Tâm lý học, số 8, tr 76-86.
- [3] Slavin R. E. (2010). *Educational psychology: Theory into practice (9th Edition)*. Boston: Allyn & Bacon.
- [4] Thái Duy Tuyên (2008). *Phương pháp dạy học - Truyền thống và đổi mới*. NXB Giáo dục.
- [5] Bern Meier - Nguyễn Văn Cường (2016). *Lý luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Johnson D. W. - Johnson R. (1999). *Learning together and alone: Cooperative, competitive, and individualistic learning (5th Edition)*. Boston: Allyn & Bacon.
- [7] Nguyễn Kỳ (1996). *Mô hình dạy học lấy người học làm trung tâm*. Trường cán bộ Quản lý GD-ĐT.